

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2022
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Diệt và ông Trần Văn Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Cán bộ Tòa án.

- **Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST- HNGĐ, ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1994; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

2. *Bị đơn:* Anh Bùi T B, sinh năm 1983; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Bùi Thúy D, sinh ngày 25/8/2015; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp của cháu D: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Bùi T B là bố mẹ đẻ của cháu.

4. *Người làm chứng:*

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1958; “vắng mặt”

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

- Bà Hà Thị H, sinh năm 1961; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Bùi T B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh H vào ngày 25/9/2014 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ngăn cản hoặc bắt ép. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị B thường được khoảng 02 tháng đầu sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh B không tu chí làm ăn mà chơi cá độ bóng đá, đánh số lô, số đề làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, từ chiếc nhẫn là của hồi môn, chiếc xe máy là phương tiện dùng để đi làm anh B đều mang đi bán lấy tiền chơi cá độ bóng đá. Trong khoảng thời gian gần hai năm vợ chồng chung sống cùng nhau, anh B có đi làm nghề tự do nhưng chưa bao giờ đưa tiền cho chị, anh B không có trách nhiệm gì với gia đình, với vợ con. Việc anh B chơi đánh bạc chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh B không nghe mà tiếp tục lấn sâu hơn dẫn đến vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, thậm chí có khi anh B còn đánh đập chị. Cuối năm 2017 sau lần vợ chồng cãi nhau, đánh nhau chị đã đưa con về nhà bố mẹ để ở thôn Đ, xã Đ, huyện P sinh sống, vợ chồng chị sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay, giữa chị và anh B không còn liên lạc, quan tâm hoặc có trách nhiệm gì với nhau nữa, mỗi người một cuộc sống riêng. Có vài lần anh B có đến nói bằng quơ bảo chị quay về nhưng bản thân anh B vẫn không từ bỏ được việc chơi đánh bạc, cá độ bóng đá nên chị không quay về. Trong thời gian sống ly thân có duy nhất một năm 2019 anh B có đóng góp cho chị 6.000.000 đồng để đóng tiền học cho con, ngoài ra anh B không có trách nhiệm gì với mẹ con chị nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, vợ chồng đã sống ly thân và không có cuộc sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để mẹ con chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Bùi Thúy D, sinh ngày 25/8/2015, hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Vợ chồng chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B không đến Tòa án làm việc.

Người làm chứng:

+ Bà Đoàn Thị T (mẹ đẻ của chị Kim A) trình bày:

Sau khi kết hôn, chị Kim A và anh B về sống chung cùng gia đình nhà chồng ở thôn H, xã M, huyện P được khoảng gần hai năm thì chị Kim A chuyển về nhà bà sinh sống. Lý do bà được biết hai anh chị sống với nhau không có tình cảm, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, anh B chơi số lô, số đề, cá độ bóng đá, ảnh hưởng đến

kinh tế của gia đình. Từ khi chị Kim A đưa con về nhà bà sinh sống, một năm anh B cũng có vài lần sang thăm con nhưng những lần sang thăm con là anh B mắng chửi chị Kim A rất to tiếng, hàng xóm xung quanh ai cũng biết. Từ khi chị Kim A về sinh sống tại gia đình nhà bà thì gia đình nhà chồng cũng như chồng chị Kim A chưa khi nào có ý kiến xin đón mẹ con chị Kim A về, chị Kim A và anh B sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay chị Kim A có đơn xin ly hôn anh B gia đình bà xác định đây là chuyện riêng tư của hai anh chị nên không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Chị Kim A và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Thúy D, sinh ngày 25/8/2015. Hiện cháu đang ở cùng với chị Kim A và gia đình bà. Nếu hai anh, chị ly hôn nhau thì gia đình bà vẫn tiếp tục tạo điều kiện cho mẹ con chị Kim A nơi ăn, chốn ở. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Theo bà nắm được thì vợ chồng chị Kim A không có gì. Giữa gia đình bà với vợ chồng chị Kim A không có liên quan gì về vấn đề tài sản nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về vấn đề tài sản.

+ Bà Hà Thị H (mẹ đẻ anh B) trình bày:

Quá trình vợ chồng chị Kim A và anh Bùi T B chung sống cùng gia đình bà không thấy anh chị đánh cãi chửi nhau lần nào. Đến khoảng tháng 02/2017 chị Kim A xin đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Đ, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế. Anh B bị bệnh nấm ruột, sức khỏe yếu, chị Kim A sức khỏe cũng kém nên cả hai anh chị không làm công việc nặng được, từ đó kinh tế không có nên chị Kim A bảo với anh B là “tôi dựa vào nhà tôi, còn anh dựa vào nhà anh”. Cũng từ tháng 02/2017 chị Kim A chuyển về nhà bố mẹ đẻ thì anh B vẫn qua lại, ăn ở sinh hoạt bên đó, lễ tết chị Kim A vẫn về nhà bà. Từ tháng 3/2021 chị Kim A không về nhà bà lần nào nữa; còn anh B vẫn qua lại nhà chị Kim A. Nay chị Kim A có đơn xin ly hôn anh B, việc hai anh chị có ở với nhau hay không gia đình bà không có ý kiến gì.

Đối với các văn bản tố tụng Tòa án gửi bà nhận thay cho anh B, bà đã gọi điện thoại thông báo cho anh B biết nội dung các văn bản tố tụng thì anh B có nói: Hiện đang đi làm thợ sơn theo công trình không về được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo đơn của chị Kim A, anh B nhất trí không có ý kiến gì. Về con chung: Anh B nhất trí giao con chung cho chị Kim A nuôi dưỡng. Về tài sản: Không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- UBND xã M cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Bùi T B có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 25/9/2014 theo quy định của pháp luật. Theo nắm bắt tình hình tại địa phương thì khoảng mấy năm nay chị Kim A không sinh sống tại nhà anh B nữa, lý do gì thì địa phương không nắm bắt được, còn anh B hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Kim A, bị đơn anh B đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A, cho chị Kim A được ly hôn với anh Bùi T B; Về con chung: giao cháu Bùi Thúy D cho chị Kim A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, chị Kim A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; bị đơn anh B nếu sau khi ly hôn có đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản thì sẽ thụ lý và giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Bùi T B có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P vào ngày 25/9/2014 theo quy định của pháp luật. Anh Bùi T B đăng ký hộ khẩu và hiện đang cư trú tại thôn H, xã M, huyện P, tỉnh H; chị Kim A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh B, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã M, huyện P, tỉnh H có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị Kim A và anh Bùi T B kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Kim A và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa hai anh, chị B thường được khoảng 03 năm đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, cả chị Kim A và anh B sức khỏe đều yếu, không làm được công việc nặng, từ đó kinh tế không có, vợ chồng không thể chăm lo được cho nhau. Chị Kim A đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Đ, huyện P sinh sống, còn anh B vẫn ở cùng với gia đình ở thôn H, xã M; vợ chồng chị Kim A và anh B sống ly thân nhau từ khoảng tháng 2/2017 cho đến nay, mỗi người một nơi, vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm và

có trách nhiệm gì với nhau nữa. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim A và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Kim A có đơn khởi kiện xin ly hôn anh B là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim A.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Bùi T B có 01 con chung là cháu Bùi Thúy D, sinh ngày 25/8/2015. Ly hôn, chị Kim A có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Từ khi chị Kim A và anh B sống ly thân nhau, cháu D ở với chị Kim A được quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và sống ổn định với chị Kim A từ năm 2017 cho đến nay, mặt khác cháu D còn nhỏ tuổi, lại là con gái nên giao cháu D cho chị Kim A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Kim A, giao cháu D cho chị Kim A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, tự lập được. Chị Kim A tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai nên không biết được quan điểm của anh B như thế nào về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác của vợ chồng. Sau khi ly hôn, nếu anh B có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A, xử cho chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Bùi T B.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thúy D, sinh ngày 28/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, tự lập được. Anh Bùi T B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Kim A.

Sau khi ly hôn, anh Bùi T B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Bùi T B sau khi ly hôn nếu có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác của vợ chồng thì Tòa án sẽ thụ lý và giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Kim A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003913, ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị Kim A đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền